



Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 01 năm 2015

Số: 12 /2015/TTr-TGD

TỜ TRÌNH

V/v Ban hành Quy chế Quản lý tài chính
Công ty cổ phần Vận tải Hà Tiên

Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ – CÔNG TY CP VẬN TẢI HÀ TIÊN

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP vận tải Hà Tiên 09/5/2014.
- Căn cứ tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Kính trình Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên dự thảo Quy chế Quản lý tài chính Công ty cổ phần Vận tải Hà Tiên.

Kính đề nghị Hội đồng Quản trị xem xét, chấp thuận thông qua việc ban hành Quy chế Quản lý tài chính của Công ty cổ phần vận tải Hà Tiên nêu trên.

Trân trọng kính trình.

TỔNG GIÁM ĐỐC



ĐỖ VĂN HUÂN

Nơi nhận:

- Như trên.

Đính kèm:

- Dự thảo Quy chế Quản lý tài chính.



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 03 năm 2015

Số: 05 /2015/NQ-HĐQT

NGHỊ QUYẾT LUÂN CHUYÊN

Ban hành Quy chế Quản lý tài chính

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI HÀ TIÊN

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP vận tải Hà Tiên 09/5/2014;
- Căn cứ tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Xét Tờ trình số 12/TTr-TGD ngày 15/01/2015 của Tổng Giám đốc Công ty V/v Đề nghị ban hành Quy chế Quản lý tài chính.

QUYẾT NGHỊ

- Điều 1.** Ban hành kèm theo nghị quyết này “**Quy chế Quản lý tài chính**” để thực hiện thống nhất trong toàn Công ty.
- Điều 2.** Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên chịu trách nhiệm triển khai thực hiện cụ thể Nghị quyết này ngay sau khi Nghị quyết này có hiệu lực.
- Điều 3.** Nghị quyết này được Hội đồng quản trị công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên thông qua dưới hình thức Nghị quyết luân chuyên có giá trị tương đương như trong phiên họp chính thức và sẽ có hiệu lực sau khi thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị ký vào Nghị quyết này./.

Ký bởi:



Ông Trần Việt Thắng

2/

Ông Nguyễn Tuấn Anh



Tp. HCM, ngày 05 tháng 03 năm 2015

QUY CHẾ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH

(Ban hành kèm theo Nghị quyết luân chuyển số: 05/2015/NQ-HDQT, ngày 05 tháng 03 năm 2015
của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên)

CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích

Quy chế này nhằm quy định công tác quản lý tài chính của Công ty cổ phần Vận tải Hà Tiên.

Điều 2. Phạm vi áp dụng

Quy chế này điều chỉnh các hoạt động liên quan đến quản lý nguồn vốn, tài sản, doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh, phân phối lợi nhuận và chế độ kế toán, kiểm toán, trách nhiệm của HDQT, Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, các phòng, đội và đơn vị trực thuộc.

Điều 3. Giải thích từ ngữ và chữ viết tắt

1. “Công ty” là “Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên”.
2. “Điều lệ” là “Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty”.
3. “Quản lý tài chính” là hoạt động liên quan đến quản lý doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh, phân phối lợi nhuận và chế độ kế toán, kiểm toán nhằm đạt được mục tiêu bảo toàn, phát triển vốn và lợi nhuận.
4. “Vốn chủ sở hữu” là nguồn vốn thuộc sở hữu của Công ty, được hình thành từ nguồn đóng góp của các cổ đông, nguồn lợi nhuận giữ lại từ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và từ chênh lệch đánh giá lại tài sản cố định.
5. “Định mức kinh tế - kỹ thuật”: là các định mức tiêu hao nguyên, nhiên, vật liệu, động lực, định mức lao động, năng suất lao động và các định mức chi phí quản lý, bán hàng, tài chính được cấp thẩm quyền ban hành phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty.
6. “Vốn chủ sở hữu”: là các nguồn vốn thuộc sở hữu của Công ty do các cổ đông đóng góp ban đầu và được bổ sung từ quá trình hoạt động kinh doanh bao gồm:

vốn điều lệ, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác, lợi nhuận chưa phân phối và các quỹ được trích theo quy định của pháp luật và điều lệ Công ty.

7. “Vốn điều lệ”: là số vốn bằng tiền hoặc tài sản do các cổ đông góp cổ phần tính theo mệnh giá của cổ phiếu phát hành và ghi trong điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
8. “Thặng dư vốn cổ phần”: là số chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu.
9. “Vốn khác”: là vốn bổ sung từ lợi nhuận sau thuế hoặc được tặng, biếu, viện trợ, nhưng chưa tính cho từng cổ đông.
10. “Vốn huy động”: là số vốn Công ty huy động từ các hình thức như vay ngân hàng, các tổ chức tín dụng trong và ngoài nước, phát hành trái phiếu và các hình thức huy động khác mà pháp luật không cấm.
11. “HDQT” là chữ viết tắt của “Hội đồng quản trị”.

Điều 4. Hình thức hoạt động

- Công ty là đơn vị kinh doanh được thành lập dưới hình thức công ty cổ phần, có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, hoạch toán kinh tế độc lập. Quyền và nghĩa vụ của Công ty được qui định tại Điều lệ và Luật Doanh nghiệp.
- Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
- Công ty phải quản lý, sử dụng vốn có hiệu quả nhằm bảo tồn và phát triển vốn.
- Công ty phải mở sổ kế toán, theo dõi chính xác và phản ánh kịp thời tình hình sử dụng vốn, biến động tài sản mà Công ty quản lý và sử dụng, thực hiện thu chi, hạch toán và quyết toán tài chính theo Luật Kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp. Đăng ký, kê khai các khoản thuế phải nộp theo quy định của Nhà nước.
- Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Năm tài chính đầu tiên được bắt đầu từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đến ngày 31/12 của năm đó.
- Công ty chịu sự kiểm tra, giám sát về mặt tài chính của cổ đông, HDQT và Ban kiểm soát.
- Công ty quản lý việc sử dụng vốn phù hợp với nhiệm vụ kinh doanh của đơn vị phụ thuộc. Các đơn vị phụ thuộc chịu trách nhiệm trước Công ty về hiệu quả sử dụng vốn và các nguồn lực tài chính được giao.
- Hoạt động tài chính của Công ty và các đơn vị trực thuộc phải tuân theo các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy định trong Quy chế này.

CHƯƠNG II

VỐN - QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG VỐN

Điều 5. Vốn hoạt động kinh doanh của Công ty

Vốn hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm vốn điều lệ, vốn huy động, các quỹ của Công ty và các khoản vốn hợp pháp khác.

5.1 Vốn điều lệ:

Vốn điều lệ là 100.800.000.000 đồng Việt Nam (*một trăm tỷ, tám trăm triệu đồng Việt Nam*) phù hợp với qui mô hoạt động kinh doanh của Công ty.

Trong quá trình kinh doanh, Công ty có thể tăng hoặc giảm vốn điều lệ tùy vào tình hình hoạt động của Công ty và do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

Vốn điều lệ của Công ty được điều chỉnh tăng trong các trường hợp sau:

- Phát hành thêm cổ phiếu mới để huy động thêm vốn theo quy định của pháp luật, kể cả trường hợp cơ cấu lại nợ của Công ty theo hình thức chuyển nợ thành vốn góp cổ phần theo thỏa thuận giữa HDQT và chủ nợ. Giá cổ phiếu căn cứ theo giá thị trường.
- Chuyển đổi trái phiếu đã phát hành thành cổ phần khi hội đủ các điều kiện theo phương án phát hành trái phiếu và theo quy định của pháp luật.
- Thực hiện trả cổ tức bằng cổ phiếu.
- Phát hành cổ phiếu mới để thực hiện sáp nhập một bộ phận hoặc toàn bộ doanh nghiệp khác vào Công ty.
- Kết chuyển nguồn thặng dư vốn để bổ sung tăng vốn điều lệ qua hình thức thường bằng cổ phiếu.

5.2 Vốn huy động:

Công ty được quyền huy động vốn để phục vụ nhu cầu hoạt động kinh doanh dưới các hình thức phù hợp với qui định của pháp luật và Điều lệ Công ty, bao gồm: Vay ngân hàng, các tổ chức tín dụng, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước kể cả người lao động trong Công ty, vay khác, phát hành trái phiếu, nhận vốn góp liên doanh, nhận ủy thác đầu tư.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải chịu trách nhiệm về mục đích và hiệu quả sử dụng vốn huy động, hoàn trả vốn và lãi theo cam kết trong hợp đồng huy động vốn.

Riêng trường hợp vay vốn trực tiếp của cá nhân, tổ chức kinh tế thì lãi suất vay tối đa không vượt quá lãi suất của thị trường tại thời điểm vay vốn.

5.3 Các quỹ của Công ty

Các Quỹ của Công ty bao gồm: Quỹ dự phòng tài chính; Quỹ đầu tư phát triển; Quỹ khen thưởng; Quỹ phúc lợi.

Công ty được sử dụng linh hoạt các Quỹ này để tài trợ cho nhu cầu hoạt động kinh doanh nhưng phải đảm bảo đủ nguồn tiền để kịp thời đáp ứng việc chi tiêu của các quỹ.

5.4 Các nguồn vốn khác

Công ty được quản lý và sử dụng các nguồn vốn khác như: Các khoản trả chậm nhà cung cấp, người bán, tiền ứng trước của người mua, vốn vay của các thành

viên trong hợp tác kinh doanh và các loại vốn khác mà pháp luật không cấm để phục vụ nhu cầu hoạt động kinh doanh của Công ty nhưng phải đảm bảo đủ nguồn tiền để hoàn trả kịp thời, không làm phương hại đến uy tín của Công ty đối với các đối tượng liên quan.

5.5 Phân cấp huy động vốn:

5.5.1 Tùy giá trị của khoản vốn sẽ huy động, việc huy động vốn phải được sự chấp thuận của ĐHĐCĐ, HĐQT hoặc Tổng giám đốc theo quy định của Điều lệ Công ty. Tổng giám đốc Công ty là người xây dựng phương án huy động vốn tùy theo mục tiêu sản xuất kinh doanh hàng năm và trình HĐQT/ĐHĐCĐ phê duyệt theo thẩm quyền.

5.5.2 Thẩm quyền huy động vốn dưới hình thức phát hành trái phiếu, các chứng quyền quy định tại Điều lệ theo thẩm quyền của Đại hội cổ đông hoặc Đại hội cổ đông phân cấp/ủy quyền cho Hội đồng quản trị.

5.5.3 Thẩm quyền quyết định thực hiện hợp đồng vay vốn: HĐQT quyết định thực hiện các hợp đồng vay vốn.

Điều 6. Đầu tư và các hình thức đầu tư

6.1 Ngoài việc đầu tư vốn để phục vụ cho nhu cầu hoạt động kinh doanh chính, mua sắm trang thiết bị, tài sản cố định, công cụ dụng cụ, đầu tư vào các dự án Công ty, Công ty được quyền sử dụng vốn, tài sản, quyền sử dụng đất thuộc quyền quản lý của Công ty để đầu tư ra ngoài Công ty theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT. Riêng đối với trường hợp đầu tư bằng quyền sử dụng đất để đầu tư ra ngoài Công ty phải thực hiện theo các qui định của Luật Đất đai.

6.2 Việc đầu tư ra ngoài Công ty phải đảm bảo nguyên tắc có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn, tăng thu nhập và không làm ảnh hưởng đến nhiệm vụ kinh doanh của Công ty và tuân thủ các quy định, quy chế đầu tư liên quan của Công ty.

6.3 Các hình thức đầu tư ra ngoài Công ty, gồm:

- Mua trái phiếu, công trái, tín phiếu, cổ phiếu, vàng, ngoại tệ;
- Hợp tác kinh doanh, góp vốn vào doanh nghiệp khác;
- Đầu tư thành lập công ty có 100% vốn điều lệ thuộc sở hữu;
- Mua lại doanh nghiệp khác để hình thành một pháp nhân mới;
- Đầu tư kinh doanh bất động sản, dự án đất đai;
- Ủy thác đầu tư và các hình thức đầu tư khác theo qui định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

6.4 ĐHĐCĐ quyết định đầu tư có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất (đã được kiểm toán) của Công ty hoặc các dự án đầu tư ra nước ngoài.

6.5 HĐQT quyết định đầu tư có giá trị nhỏ hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất (đã được kiểm toán) của Công ty.

6.6 Nhượng bán phần vốn của Công ty tại Doanh nghiệp khác và các khoản đầu tư tài

chính: Thẩm quyền quyết định nhượng bán theo thẩm quyền quyết định đầu tư.

- 6.7 HĐQT, Tổng giám đốc kiểm tra giám sát việc sử dụng vốn đầu tư vào các doanh nghiệp khác; chịu trách nhiệm về hiệu quả sử dụng vốn, bảo toàn và phát triển vốn đầu tư ra ngoài Công ty, thu lợi nhuận từ việc đầu tư này, cử người trực tiếp quản lý phần vốn góp tại doanh nghiệp khác.

Điều 7. Quản lý công nợ

7.1 Quản lý các khoản nợ phải trả

- Phòng Kinh doanh - Phát triển; Phòng Kế toán - Thống kê - Tài chính chịu trách nhiệm mở sổ theo dõi đầy đủ các khoản nợ phải trả kể cả các khoản lãi phải trả.
- Thanh toán các khoản nợ phải trả theo đúng thời hạn đã cam kết. Thường xuyên xem xét, đánh giá, phân tích khả năng thanh toán nợ, phát hiện sớm tình hình khó khăn trong thanh toán nợ để có giải pháp khắc phục kịp thời, hạn chế để phát sinh các khoản nợ quá hạn.
- Đối với các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, Công ty phải hạch toán toàn bộ chênh lệch tỷ giá phát sinh của số dư nợ phải trả vào chi phí kinh doanh trong kỳ để tạo nguồn trả nợ. Trường hợp hạch toán chênh lệch tỷ giá vào chi phí làm cho kết quả kinh doanh bị lỗ thì có thể phân bổ một phần chênh lệch tỷ giá cho năm sau để Công ty không bị lỗ nhưng vẫn đảm bảo mức hạch toán vào chi phí trong năm ít nhất cũng phải bằng chênh lệch tỷ giá của số ngoại tệ phải trả trong năm đó.

7.2 Quản lý các khoản nợ phải thu

- Phòng Kinh doanh - Phát triển; Phòng Kế toán - Thống kê - Tài chính chịu trách nhiệm mở sổ theo dõi các khoản nợ theo từng đối tượng, đơn đốc việc thu hồi nợ và thường xuyên cập nhật các khoản nợ vào các nhóm: Nợ luân chuyển, nợ khó đòi, nợ không có khả năng thu hồi để có giải pháp xử lý phù hợp.
- Nợ phải thu khó đòi là khoản nợ hoặc cam kết thanh toán khác đã quá hạn thanh toán hoặc chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ khó có khả năng thanh toán. Đối với khoản nợ khó đòi, Công ty phải trích lập dự phòng theo qui định. HĐQT quyết định phương án xử lý các khoản nợ khó đòi. Chênh lệch giữa khoản nợ không thu hồi được và khoản bồi hoàn trách nhiệm của tập thể, cá nhân (nếu có) được bù đắp bằng khoản dự phòng nợ khó đòi, nếu thiếu được hạch toán vào chi phí kinh doanh hoặc kết quả kinh doanh tùy theo từng trường hợp cụ thể theo qui định hiện hành. Trong thời gian 10 ngày làm việc sau khi xử lý các khoản nợ khó đòi, Tổng giám đốc gửi báo cáo bằng văn bản đến HĐQT.
- Công ty được quyền bán các khoản nợ phải thu theo qui định của pháp luật gồm cả nợ phải thu trong hạn, nợ phải thu khó đòi và nợ phải thu không đòi được để thu hồi vốn.

Điều 8. Bảo toàn vốn

- 8.1 Thực hiện đúng chế độ quản lý, sử dụng vốn, tài sản theo qui định Nhà nước.
- 8.2 Mua bảo hiểm tài sản theo qui định.
- 8.3 Tổng giám đốc quyết định thành lập Hội đồng thẩm định, ban hành tỷ lệ mức trích lập các khoản dự phòng hàng năm và xử lý tổn thất thực tế theo qui định tại các văn bản Pháp luật hiện hành có liên quan.

CHƯƠNG III

TÀI SẢN - QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG TÀI SẢN

Điều 9. Kiểm kê tài sản

- 9.1 Công ty phải tổ chức kiểm kê tài sản vào các thời điểm:
 - Định kỳ theo quy định của Công ty, hoặc
 - Trước khi khóa sổ kế toán để lập báo cáo tài chính, hoặc
 - Chia tách, hợp nhất, giải thể, chấm dứt hoạt động, phá sản, hoặc
 - Chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp, hoặc
 - Đánh giá lại tài sản theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền, hoặc
 - Sau khi xảy ra các sự kiện như thiên tai, địch họa, cháy nổ, hoặc
 - Lý do khác gây biến động tài sản của Công ty.
- 9.2 Xác định số liệu tài sản thực tế đối chiếu với số liệu ghi sổ kế toán để xác định thừa thiếu về số lượng, nguyên nhân và trách nhiệm của những cá nhân có liên quan, mức bồi thường vật chất nếu có theo Điều lệ Công ty qui định.

Điều 10. Đánh giá lại tài sản

- 10.1 Công ty thực hiện việc đánh giá lại tài sản trong các trường hợp sau:
 - Kiểm kê, đánh giá lại tài sản định kỳ hoặc theo quyết định của HĐQT;
 - Dùng tài sản để hợp tác kinh doanh, góp vốn cổ phần;
 - Điều chỉnh giá để đảm bảo giá trị thực tế của tài sản Công ty;
 - Các trường hợp khác theo qui định của pháp luật.
- 10.2 Việc kiểm kê, đánh giá lại tài sản phải tuân thủ đúng các qui định hiện hành của pháp luật.
- 10.3 Tất cả việc đánh giá lại tài sản do HĐQT Công ty quyết định trừ khi có quy định khác.

Điều 11. Tổn thất tài sản

- 11.1 Tổn thất tài sản của Công ty là sự mất mát, hư hỏng làm giảm giá trị tài sản do các nguyên nhân khách quan hoặc chủ quan.
- 11.2 Khi xảy ra tổn thất tài sản, Công ty phải thành lập Hội đồng để xác định nguyên nhân, mức độ tổn thất, lập phương án xử lý và báo cáo trình HĐQT phê duyệt.
 - Đối với tổn thất được xác định do nguyên nhân chủ quan của cá nhân hoặc tập thể thì cá nhân hoặc tập thể đó có trách nhiệm bồi thường. Mức độ bồi thường cụ thể do HĐQT quyết định phù hợp với qui định hiện hành của pháp luật.

- Đối với tổn thất được xác định do nguyên nhân khách quan, bất khả kháng, HĐQT quyết định hình thức xử lý theo thẩm quyền hoặc trình Đại hội đồng cổ đông quyết định theo quy định của Điều lệ Công ty.

11.3 HĐQT ủy quyền cho Tổng giám đốc quyết định mức bồi thường đối với những tổn thất tài sản có giá trị dưới 100.000.000 đồng (*một trăm triệu đồng*).

11.4 Chậm nhất 10 ngày làm việc sau khi có kết quả xử lý, Tổng giám đốc phải báo cáo bằng văn bản gửi HĐQT.

Điều 12. Cho thuê, thế chấp, cầm cố, nhượng bán tài sản

12.1 Công ty có quyền cho thuê, thế chấp, cầm cố, nhượng bán tài sản thuộc quyền quản lý để tái đầu tư, đổi mới công nghệ (trừ những tài sản đi thuê, đi mượn, nhận giữ hộ, nhận thế chấp). Riêng đối với tài sản do đi thuê, đi mượn, nếu được bên cho thuê cho mượn đồng ý, Công ty có thể cho thuê lại.

12.2 Việc cho thuê, thế chấp, cầm cố, nhượng bán đảm bảo tuân thủ nguyên tắc có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn, phù hợp với qui định hiện hành của pháp luật và Điều lệ Công ty.

12.3 Tổng giám đốc xem xét, quyết định việc cho thuê, cầm cố, thế chấp, nhượng bán những tài sản thuộc kho tàng, bất động sản đầu tư, phương tiện vận tải, danh mục tài sản chính,... có giá trị nhỏ hơn 500 triệu đồng, trừ các trường hợp quy định tại Điều 25 của Điều lệ Công ty. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày quyết định thực hiện Tổng giám đốc phải báo cáo HĐQT.

12.4 HĐQT xem xét, quyết định cho thuê, cầm cố, thế chấp nhượng bán những tài sản có giá trị từ 500 triệu đồng, trừ các trường hợp quy định tại điểm c khoản 4 Điều 25 của Điều lệ Công ty.

12.5 Tài sản trước khi nhượng bán phải được định giá và tổ chức bán đấu giá công khai.

12.6 Khoản chênh lệch giữa số tiền thu được do nhượng bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản và chi phí nhượng bán (nếu có) được hạch toán theo quy định hiện hành.

Điều 13. Thanh lý tài sản

13.1 Công ty được chủ động thanh lý những tài sản kém, mất phẩm chất, lạc hậu kỹ thuật, không còn nhu cầu sử dụng, tài sản hư hỏng không thể phục hồi, tài sản đã hết thời gian sử dụng.

13.2 Đối với những tài sản đã thu hồi đủ vốn, Tổng giám đốc quyết định việc thanh lý và báo cáo HĐQT.

13.3 Đối với những tài sản chưa thu hồi đủ vốn, Tổng giám đốc lập phương án thanh lý trình HĐQT phê duyệt và tổ chức thanh lý.

13.4 Tài sản trước khi thanh lý phải được định giá. Đối với những tài sản sau khi định giá lại có giá trị từ 100.000.000 đồng (*một trăm triệu đồng*) trở lên phải được

thông báo rộng rãi trên phương tiện thông tin đại chúng, tổ chức bán đấu giá công khai.

- 13.5 Phụ tùng, phế liệu thu hồi từ tài sản thanh lý nếu sử dụng cho sản xuất kinh doanh của Công ty thì phải đánh giá lại giá trị. Trường hợp nhượng bán với giá trị từ 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) trở lên phải thông báo công khai và/hoặc tổ chức đấu giá.
- 13.6 Khoản chênh lệch giữa số tiền thu được do thanh lý tài sản với giá trị còn lại của tài sản và chi phí thanh lý (nếu có) được hạch toán theo quy định hiện hành.
- 13.7 Chậm nhất 10 ngày làm việc sau khi thanh lý tài sản, Tổng giám đốc phải báo cáo bằng văn bản gửi HĐQT.

Điều 14. Quản lý tiền và các khoản tương đương tiền

14.1 Quản lý tiền mặt và các khoản tương đương tiền.

- Tất cả các khoản thu chi tiền mặt và các khoản tương đương tiền đều phải có phiếu thu, phiếu chi và có đầy đủ chữ ký theo quy định ghi trên phiếu thu hoặc phiếu chi theo mẫu do Bộ Tài chính ban hành.
- Mức tồn quỹ tiền mặt tối đa tại Công ty do Tổng giám đốc Công ty quy định cụ thể theo từng thời kỳ, nếu vượt quá phải nộp ngay vào tài khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty.
- Định kỳ phải tổ chức kiểm kê và lập biên bản kiểm kê tồn quỹ. Biên bản kiểm kê phải có đủ chữ ký của Kế toán trưởng hoặc Phụ trách kế toán, thủ quỹ, kế toán theo dõi và được lưu trữ trong hồ sơ, chứng từ kế toán. Nếu có chênh lệch thừa, thiếu thì kế toán và thủ quỹ phải chịu trách nhiệm báo cáo và giải trình để có biện pháp xử lý phù hợp.

14.2 Quản lý tiền gửi ngân hàng.

- Công ty được mở tài khoản giao dịch tại ngân hàng để phục vụ cho nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty theo đúng quy định của Điều lệ Công ty và của Quy chế này.
- Hoạt động thanh toán qua ngân hàng phải thực hiện đúng thủ tục và quy định của Công ty.
- Nghiêm cấm việc sử dụng tài khoản tiền gửi ngân hàng vào mục đích cá nhân.
- Cuối tháng, kế toán theo dõi ngân hàng phải đối chiếu và lấy giấy xác nhận số dư tiền gửi ngân hàng có đầy đủ chữ ký của Ngân hàng theo quy định.

CHƯƠNG IV

DOANH THU – CHI PHÍ – KẾT QUẢ KINH DOANH

Điều 15. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận theo thực tế phát sinh khi hàng hóa, dịch vụ đã được cung cấp đến khách hàng, hóa đơn đã được phát hành đến khách hàng, không phụ thuộc tiền đã thu được hay chưa.

Doanh thu Công ty bao gồm: Doanh thu từ hoạt động kinh doanh; doanh thu từ hoạt động tài chính; doanh thu khác.

15.1 Doanh thu từ hoạt động kinh doanh, gồm:

- Doanh thu từ mua bán nguyên vật liệu cung cấp theo yêu cầu của khách hàng (clinker, đá pouzolan, đất đỏ, cát, đá xây dựng...)
- Doanh thu từ dịch vụ vận tải, dịch vụ cho thuê kho bãi,...
- Doanh thu từ hoạt động kinh doanh không tính các khoản chiết khấu bán hàng, giảm giá hàng bán, hàng bị trả lại.
- Doanh thu từ các hoạt động kinh doanh khác có trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty.

15.2 Doanh thu từ hoạt động tài chính, gồm:

- Thu từ hoạt động mua bán tín phiếu, trái phiếu, cổ phiếu;
- Thu từ hoạt động liên doanh, hợp tác kinh doanh, cổ tức;
- Thu từ lãi tiền gửi, lãi từ hoạt động cho vay;
- Các khoản thu khác từ hoạt động đầu tư.

15.3 Doanh thu khác, gồm:

- Các khoản thu tiền phạt, nợ đã xóa nay đòi được, thu do hoàn nhập các khoản dự phòng đã trích năm trước nhưng không sử dụng, thu từ nhượng bán, thanh lý tài sản và các khoản thu khác.

Điều 16. Chi phí

Công ty phải hạch toán đầy đủ các khoản chi phí phát sinh trong năm tài chính theo đúng qui định hiện hành của pháp luật, chi phí phải được ghi nhận và phân bổ trong kỳ kế toán theo thực tế phát sinh, không phụ thuộc chi phí đã được thanh toán hay chưa. Các chi phí phát sinh phải có chứng từ, hóa đơn hợp pháp hợp lệ, định mức kinh tế, kỹ thuật phải được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Công ty phải quản lý chặt chẽ các khoản chi phí nhằm tăng lợi nhuận. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm xây dựng các quy định, định mức kinh tế kỹ thuật phù hợp với đặc điểm kinh tế - kỹ thuật, ngành - nghề kinh doanh, quy mô hoạt động của Công ty và trình HĐQT xem xét phê duyệt. Định kỳ phải tổ chức đánh giá phân tích tình hình hoạt động SXKD nhằm phát hiện những khâu yếu, kém trong quản lý, những yếu tố làm tăng, giảm chi phí để có giải pháp khắc phục kịp thời.

Chi phí Công ty bao gồm: Chi phí hoạt động kinh doanh; Chi phí hoạt động tài chính; Chi phí khác.

16.1 Chi phí hoạt động kinh doanh, gồm:

- Chi phí nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu: Là giá trị toàn bộ nhiên liệu, vật liệu, công cụ,... mà Công ty sử dụng vào hoạt động kinh doanh.

- Chi phí sử dụng lao động: Là toàn bộ tiền lương, tiền công, chi phí có tính chất tiền lương, lương tháng 13, Chi phí tiền cơm giữa ca, các khoản trích nộp theo qui định của Nhà nước như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn.
- Khấu hao tài sản cố định: Là chi phí khấu hao toàn bộ tài sản cố định của Công ty được trích theo quyết định của Tổng giám đốc trong khuôn khổ quy định của Bộ Tài chính.
- Thuế, phí và lệ phí: Thuế môn bài, thuế sử dụng đất, tiền thuê đất, thuế tài nguyên, thuế nhà đất, phí cầu đường, phí giao thông và các khoản có liên quan đến phí, lệ phí khác.
- Chi phí dịch vụ mua ngoài: Là các chi phí trả cho tổ chức, cá nhân ngoài Công ty về các dịch vụ được thực hiện theo yêu cầu của Công ty như vận chuyển, giao nhận, điện, nước, điện thoại, sửa chữa tài sản cố định, thuê tài sản cố định, tư vấn, kiểm toán, quảng cáo, bảo hiểm tài sản, đại lý, môi giới, ủy thác và các dịch vụ khác.
- Chi phí khác bằng tiền: Chi tiếp tân, khánh tiết, giao dịch, đối ngoại; chi bảo hộ lao động, huấn luyện, bồi dưỡng tay nghề, hỗ trợ đào tạo; phí hiệp hội ngành nghề mà Công ty là thành viên tham gia, các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, trợ cấp thôi việc cho người lao động, chi phí công tác và các chi phí khác.
- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm được phân bổ cho hàng hóa, dịch vụ bán ra trong năm.

16.2 Chi phí hoạt động tài chính, gồm:

- Các khoản chi cho việc mua bán trái phiếu, tín phiếu, cổ phiếu.
- Chi phí cho hoạt động liên doanh, hợp tác kinh doanh, góp vốn cổ phần.
- Chi trả tiền lãi vay vốn đầu tư và kinh doanh.
- Chi phí chiết khấu thanh toán.
- Dự phòng giảm giá các loại chứng khoán.
- Phí ngân hàng.
- Chênh lệch tỷ giá.
- Các chi phí khác liên quan đến hoạt động đầu tư ra ngoài của Công ty.

16.3 Chi phí khác, gồm:

- Chi phí thuê tài sản, nhượng bán, thanh lý tài sản.
- Chi phí cho việc thu hồi các khoản nợ đã xóa.
- Chi phí cho việc thu tiền phạt.
- Tiền phạt vi phạm hợp đồng.
- Giá trị tổn thất tài sản.
- Nợ phải thu không thu hồi được.
- Các khoản chi phí khác.

- 16.4 Chi phí môi giới, giao dịch, tiếp khách, tiếp thị, xúc tiến thương mại, khuyến mại, quảng cáo, hội họp thì Tổng giám đốc quyết định và chịu trách nhiệm về mức chi cụ thể, nhưng không vượt quá tổng Ngân sách hàng năm được phê duyệt và quy định của pháp luật.
- 16.5 Mức khống chế các khoản chi hội họp, tiếp khách, giao dịch do HĐQT phê duyệt nhưng không được vượt quá mức khống chế của qui định hiện hành.
- 16.6. Ngoài các khoản chi trên, Công ty được tính vào chi phí:
- Các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, dự phòng công nợ khó đòi, theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.
 - Khoản chi để bảo hành sản phẩm hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ trong kỳ.
- 16.7 Đối với các khoản chi mà qui định hiện hành không cho phép, Công ty được phép hạch toán vào chi phí nhưng không được ghi nhận là chi phí hợp lý, hợp lệ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp.
- 16.8 Tổng giám đốc xây dựng các định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí gián tiếp để trình HĐQT phê duyệt làm căn cứ điều hành hoạt động kinh doanh và quản lý chi phí của Công ty.
- 16.9 Định mức chi phí điều hành (lương, văn phòng phẩm, đào tạo, công tác phí,...) thực hiện theo kế hoạch được duyệt hàng năm.
- 16.10 Đối với những khoản chi vượt định mức qui định phải xác định rõ trách nhiệm và có phương án trình HĐQT xử lý. HĐQT chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về các quyết định xử lý của mình.

Điều 17. Các khoản không được hạch toán vào chi phí

Công ty không được hạch toán vào chi phí hoạt động kinh doanh, chi phí tài chính, chi phí khác mà phải lấy từ lợi nhuận sau thuế và các nguồn quỹ của Công ty cho các khoản chi sau:

- Các khoản chi thuộc nội dung chi của nguồn quỹ phúc lợi, quỹ khen thưởng.
- Chi đầu tư xây dựng cơ bản, chi mua sắm tài sản cố định, các khoản chi đầu tư khác.
- Chi phí lãi vay vốn đầu tư và chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trước thời điểm đưa công trình hoặc tài sản vào sử dụng.
- Các khoản chi khác không được hạch toán vào chi phí theo quy định của pháp luật.

Điều 18. Lợi nhuận

Lợi nhuận thực hiện trong năm là kết quả kinh doanh của Công ty, bao gồm lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động đầu tư và lợi nhuận từ hoạt động khác.

Lợi nhuận trước thuế của Công ty là chênh lệch giữa doanh thu qui định tại Điều 15 và chi phí qui định tại Điều 16.

CHƯƠNG V
PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 19. Trình tự và thẩm quyền phân phối lợi nhuận

Sau khi đã thực hiện chuyển lỗ theo Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, trình tự và thẩm quyền phân phối lợi nhuận của Công ty như sau:

- 19.1 Chia lãi cho các đối tác góp vốn theo hợp đồng hợp tác kinh doanh.
- 19.2 Bù khoản lỗ các năm trước không được trừ vào lợi nhuận trước thuế.
- 19.3 Trừ các khoản chi phí thực tế đã chi nhưng không được tính vào chi phí hợp lý khi xác định thu nhập chịu thuế.
- 19.4 Trích lập các quỹ: Quỹ dự phòng tài chính; quỹ đầu tư phát triển; quỹ khen thưởng; quỹ phúc lợi. Tỷ lệ trích lập cho từng quỹ được thực hiện do Đại hội đồng cổ đông quyết định trên cơ sở đề nghị của HĐQT.
- 19.5 Thanh toán tiền thù lao, tiền thưởng của các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông quyết định trên cơ sở đề nghị của HĐQT.
- 19.6 Chi trả cổ tức cho các cổ đông.

Điều 20. Mục đích sử dụng các quỹ:

- 20.1 Quỹ dự phòng tài chính: Dùng để bù đắp thiệt hại về tài sản do thiên tai, địch họa, rủi ro trong kinh doanh của Công ty mà các khoản dự phòng được trích trong giá thành, tiền đền bù của cơ quan bảo hiểm không đủ bù đắp.
- 20.2 Quỹ đầu tư phát triển: Dùng để đầu tư và góp vốn vào các Công ty nhằm phát triển kinh doanh theo định hướng chiến lược của Công ty; đổi mới máy móc thiết bị, công nghệ; nghiên cứu áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, trợ giúp thêm cho việc đào tạo nâng cao tay nghề và điều kiện làm việc trong Công ty.
- 20.3 Quỹ phúc lợi: Dùng để chi đầu tư xây dựng hoặc sửa chữa các công trình phúc lợi của Công ty; Chi cho các hoạt động phúc lợi xã hội cho tập thể công nhân viên Công ty, ủng hộ địa phương, đoàn thể, tổ chức xã hội, cơ quan khác; trợ cấp khó khăn thường xuyên, đột xuất cho những người lao động, làm công tác từ thiện xã hội; các khoản trợ cấp khác cho người lao động trong Công ty do Tổng giám đốc quyết định trên cơ sở đề nghị của Công đoàn Công ty.
- 20.4 Quỹ khen thưởng: Quỹ khen thưởng dùng để chi khen thưởng cho CBCNV của công ty có thành tích xuất sắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh, và các công tác khác do Tổng giám đốc công ty quyết định.

CHƯƠNG VI

KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH, CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN - THỐNG KÊ - KIỂM TOÁN

Điều 21. Kế hoạch tài chính

Tổng giám đốc xây dựng kế hoạch tài chính hàng năm phù hợp với kế hoạch kinh doanh, đầu tư trình HĐQT và báo cáo Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Hàng quý và cuối năm, Tổng giám đốc báo cáo HĐQT về tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh, đầu tư và kế hoạch tài chính theo biểu mẫu qui định.

Tổng giám đốc duyệt kế hoạch tài chính cho các đơn vị trên cơ sở kế hoạch tài chính của Công ty; kiểm tra, giám sát, tổng hợp tình hình thực hiện kế hoạch tài chính của các đơn vị.

Điều 22. Chế độ kế toán - thống kê - kiểm toán

Công ty có nghĩa vụ thực hiện đúng các qui định của Luật kế toán, chế độ kế toán, kiểm toán, lập và gửi báo cáo quyết toán quý, năm đúng mẫu biểu và thời gian qui định theo qui định hiện hành.

Chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của số liệu, tài liệu.

Tổng giám đốc chịu trách nhiệm lập quyết toán năm của Công ty để trình HĐQT báo cáo Đại hội đồng cổ đông thông qua và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các số liệu đã báo cáo.

Công ty chịu sự kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát, thực hiện chế độ kiểm toán, công bố kết quả hoạt động tài chính hàng năm theo quy định của Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Định hướng công tác kế toán quản trị

23.1 Công tác kế toán phải thể hiện chi tiết các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong năm tài chính. Phân tích các tài khoản kế toán theo từng lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh, từng đối tượng, nhóm đối tượng chịu ảnh hưởng của nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

23.2 Các tài khoản, tiêu khoản kế toán được thực hiện theo đúng qui định hiện hành của Nhà nước.

23.3 Lập và phân tích các báo cáo kế toán quản trị, tham mưu cho Tổng giám đốc và HĐQT ra quyết định kịp thời. Các báo cáo kế toán quản trị mang tính chiến lược kinh doanh, phân tích kết quả hoạt động kinh doanh, mang tính tổng hợp chỉ được cung cấp cho đối tượng được Tổng giám đốc chỉ định, không được cung cấp ra bên ngoài trừ khi có chỉ thị của Tổng giám đốc.

CHƯƠNG VII

**TRÁCH NHIỆM CỦA HĐQT - TỔNG GIÁM ĐỐC - KẾ TOÁN TRƯỞNG
TRONG VIỆC QUẢN LÝ TÀI CHÍNH CÔNG TY**

Điều 24. Trách nhiệm của HĐQT:

24.1 HĐQT thực hiện chức năng quản lý Công ty, trong phạm vi thẩm quyền của mình có trách nhiệm tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát các hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư và hoạt động tài chính của Công ty.

- 24.2 Nhận vốn, đất đai, tài nguyên và các nguồn lực khác do các cổ đông, các bên góp vốn hợp tác kinh doanh.
- 24.3 Trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các nội dung liên quan đến công tác quản lý tài sản thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- 24.4 Thực hiện việc công bố các báo cáo tài chính hàng năm trước Đại hội đồng cổ đông và công bố các báo cáo tài chính định kỳ theo qui định. Thông qua kế hoạch tài chính dài hạn, kế hoạch tài chính hàng năm, hàng quý do Tổng giám đốc trình.
- 24.5 Quyết định phương án huy động vốn theo thẩm quyền phục vụ hoạt động đầu tư và kinh doanh.
- 24.6 Kiểm tra, giám sát Tổng giám đốc, các đơn vị phụ thuộc trong việc sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn, thực hiện các nghĩa vụ đối với Nhà nước.
- 24.7 Phê duyệt áp dụng các biện pháp quản lý rủi ro trong hoạt động tài chính của Công ty.

Điều 25. Trách nhiệm của Tổng giám đốc

- 25.1 Chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước pháp luật trong việc điều hành hoạt động của Công ty.
- 25.2 Chịu trách nhiệm điều hành việc sử dụng vốn trong đầu tư, kinh doanh theo kế hoạch được HĐQT thông qua. Thực hiện phương án phân phối lợi nhuận sau khi nộp các khoản cho ngân sách theo qui định.
- 25.3 Chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc huy động và sử dụng các nguồn vốn theo thẩm quyền vào hoạt động mua sắm, xây dựng cơ bản, kinh doanh, đầu tư.
- 25.4 Xây dựng và ban hành các định mức kinh tế, kỹ thuật phù hợp với các điều kiện kinh doanh của Công ty theo qui định của pháp luật làm cơ sở quản lý chi phí trong Công ty.
- 25.5 Chịu trách nhiệm tổ chức công tác kế toán đảm bảo tính chính xác, trung thực về số liệu báo cáo tài chính, số liệu quyết toán và các thông tin tài chính khác.
- 25.6 Xây dựng kế hoạch tài chính dài hạn, kế hoạch tài chính năm, quý phù hợp với kế hoạch đầu tư và kinh doanh trình HĐQT thông qua.
- 25.7 Áp dụng các biện pháp quản lý rủi ro trong hoạt động tài chính của Công ty từ những biện pháp thuộc thẩm quyền của HĐQT. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước HĐQT về quản lý và triển khai các biện pháp quản lý rủi ro trong hoạt động tài chính.

Điều 26. Trách nhiệm của Kế toán trưởng

- 26.1 Chịu trách nhiệm về nghiệp vụ chuyên môn theo qui định của pháp luật về kế toán. Tuân thủ chế độ kế toán doanh nghiệp và các qui định hiện hành của Nhà nước.

- 26.2 Giúp Tổng giám đốc tổ chức phân tích hoạt động kinh doanh, nghiên cứu cải tiến sản xuất, cải tiến quản lý kinh doanh,... cùng cố hoàn thiện chế độ hạch toán kinh tế và tài chính theo yêu cầu đổi mới cơ chế quản lý của Công ty.
- 26.3 Kiểm tra, rà soát công tác thực hiện và tuân thủ theo qui chế tài chính đã ban hành.

Điều 27. Khen thưởng, kỷ luật

HDQT là cấp cao nhất có quyền thay mặt Đại hội đồng cổ đông khen thưởng các đơn vị, cá nhân thực hiện nghiêm túc hoặc xử lý các đơn vị, cá nhân vi phạm qui chế quản lý tài chính này căn cứ theo các qui định trong Điều lệ và nội qui của Công ty.

Tổng giám đốc được HDQT ủy quyền khen thưởng đơn vị, cá nhân thực hiện nghiêm túc hoặc xử lý đơn vị, cá nhân vi phạm qui chế quản lý tài chính này căn cứ theo các qui định trong Điều lệ và nội qui của Công ty.

**CHƯƠNG VIII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 28. Thẩm quyền sửa đổi, bổ sung Quy chế

Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này thuộc thẩm quyền của HDQT.

Điều 29. Trách nhiệm thi hành

Cán bộ nhân viên đang làm việc tại Công ty có nghĩa vụ thi hành nghiêm chỉnh các điều khoản qui định trong bản Quy chế này.

Phòng Kế toán - Thống kê - Tài chính có nhiệm vụ triển khai, phổ biến Quy chế này và qui định về chế độ tài chính đến các đơn vị phụ thuộc được phân công quản lý.

Tổng Giám đốc có trách nhiệm phổ biến, quán triệt và hướng dẫn cụ thể đến toàn thể CBCNV Công ty đồng thời tổ chức theo dõi, kiểm tra quá trình thi hành nội dung Quy chế này.

Điều 30. Hiệu lực thi hành

Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày được ký quyết định ban hành.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



TRẦN VIỆT THẮNG